

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2018/HS-ST

Ngày: 25-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hùng

Bà Lê Thị Đồi

Bà Lâm Thị Kiều Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Minh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 39/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Lâm Thị K, sinh năm 1959 tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Khóm 5, phường HP, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/12; con ông Lâm Văn N, sinh năm 1928, (đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1936; chồng tên Nguyễn Văn C, sinh năm 1959, con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ từ ngày 28/3/2018 và chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Đạt T – Là Luật sư của Văn phòng luật sư X thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Thị K thường qua lại Campuchia để mua bán hàng hóa nên quen biết người phụ nữ tên H, thông qua H (chưa xác định được họ tên, địa chỉ), K có biết

một người đàn ông tên H1 (chưa xác định được họ tên và địa chỉ) chuyên bán ma túy ở Campuchia.

Khoảng tháng 11/2017, gần chợ Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Thị K quen được người đàn ông tên B (chưa xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể). B hỏi thăm và biết được K thường qua lại Campuchia, nên có đặt vấn đề K mua ma túy tại Campuchia, về bán lại cho B để kiếm tiền lời. Nghe B nói vậy, K đồng ý. Đến ngày 27/3/2018, B hẹn gặp K ở quán nước tại ngã tư Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, tại đây, B trao đổi với K, B đặt mua 06 bịch ma túy loại viên nén tổng hợp, 05 bịch ma túy tổng hợp dạng đá, mỗi bịch có khối lượng khoảng 100 gam. Lâm Thị K và B không thỏa thuận giá mua bán, B nói sẽ tính toán cho K tiền lời mỗi bịch ma túy là 4.000.000 đồng và cho thêm chi phí ăn uống, đi lại là 5.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong, khoảng 05 giờ ngày 28/3/2018, Lâm Thị K đến khu vực ngã tư huyện Hóc Môn, đi xe buýt Khải Nam, qua cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài để sang Campuchia. Đến khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, K đến bến xe Khải Nam tại thành phố Phnôm Pênh, Campuchia. Tại đây, K điện thoại cho người tên H1 và hẹn gặp nhau tại quán nước ở khu vực bến xe. Tại quán nước, K đặt mua của H1 số ma túy như B đã thỏa thuận. H1 nói giá tiền số ma túy K mua là 235.000.000 đồng, K đồng ý và giao tiền cho H1 và nhận ma túy. Sau khi nhận ma túy xong, K vào trong khu vực nhà vệ sinh của quán nước, tự mình cất giấu ma túy vào trong lưng quần K đang mặc trên người và tiếp tục ra bến xe để đón xe đi về Việt Nam. Đến 17 giờ 40 phút, ngày 28/3/2018, Lâm Thị K làm thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam tại Trạm kiểm soát Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài, tại luồng nhập cảnh, lực lượng Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài phối hợp với các lực lượng làm nhiệm vụ, phát hiện Lâm Thị K có 11 bịch ma túy, được quấn xung quanh bên trong lưng quần, cụ thể: 03 bịch nylon màu trắng bên ngoài quần băng keo màu vàng, bên trong có chứa nhiều viên nén màu hồng hình chữ nhật có hoa văn in chìm; 03 bịch nylon màu trắng, bên ngoài quần băng keo màu vàng, bên trong có chứa nhiều viên nén màu xanh dạng tròn, có hoa văn in chìm; 05 bịch nylon màu trắng, bên ngoài quần giấy báo, bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng.

Ngoài ra, Lâm Thị K còn khai, khoảng đầu tháng 3/2018, theo thỏa thuận với người tên B, K đã sang Campuchia mua 05 bịch ma túy của người tên H1, loại viên nén, khối lượng mỗi bịch khoảng 100 gam, với tổng giá tiền là 70.000.000 đồng. K mang ma túy về Việt Nam, bán lại cho B với giá 90.000.000 đồng, K đã giao ma túy cho B và nhận được tiền. Việc thỏa thuận với B, đi lại, liên lạc với H1, cất giấu ma túy, K thực hiện như lần bị bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra, Lâm Thị K đã khai báo thành khẩn hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình như đã nêu trên.

* Kết luận giám định số 269/KL-KTHS ngày 03/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, kết luận:

- Mẫu 1.000 viên nén màu hồng hình chữ nhật có hoa văn in chìm bên trong 03 bịch nylon màu trắng bên ngoài quần băng keo màu vàng (kí hiệu M1)

gửi đến giám định là chất ma túy; Là loại N-Methyl-3,4-Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA); Khối lượng 392,9992 gam.

- Mẫu 1.096 viên nén màu xanh dạng tròn có hoa văn in chìm bên trong 03 bìch nylon màu trắng bên ngoài quấn băng keo màu vàng (kí hiệu M2) gửi đến giám định là chất ma túy; Là loại N-Methyl-3,4-Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA); Khối lượng 345,7148 gam.

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng bên trong 02 bìch nylon màu trắng bên ngoài quấn giấy báo (kí hiệu M3) gửi đến giám định là chất ma túy; Là loại Ketamine; Khối lượng 196,3794 gam.

- Mẫu tinh thể trong suốt bên trong 03 bìch nylon màu trắng bên ngoài quấn giấy báo (kí hiệu M4) gửi đến giám định là chất ma túy; Là loại Methamphetamine; Khối lượng 286,5475 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 08/CT-VKSND-P1 ngày 15/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Lâm Thị K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo tù Chung thân.

Xử lý vật chứng: Theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Thông nhất tội danh và điều luật theo cáo trạng đã truy tố.

Đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo là người có văn hóa thấp 01/12, nhận thức hạn chế, không biết được hành vi phạm tội ở mức độ nặng và nguy hiểm như thế nào.

Bị cáo có mẹ ruột được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì, chồng là thương binh $\frac{3}{4}$ (41%); quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đề nghị xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo thông nhất lời bào chữa của luật sư, không tranh luận.

Kiểm sát viên đối đáp: Với tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết việc bị cáo làm là sai trái vì muốn có tiền để trả nợ nần và không hiểu được mức độ nguy hiểm đến vậy. Xin được xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong suốt quá trình điều tra, truy tố bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa bị cáo K cho rằng khi bắt quả tang cơ quan chức năng có thu giữ của bị cáo 2.000.000 đồng và 100 USD, bị cáo yêu cầu nhận lại. Xem xét biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản giao nhận vật chứng không thể hiện về số tiền trên như bị cáo trình bày. Đây là tiền của cá nhân bị cáo không liên quan đến tội phạm, bị cáo được quyền khiếu nại đối với các cơ quan chức năng bắt và thu giữ tài sản, đồ vật của bị cáo.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Bị cáo Lâm Thị K thường xuyên sang Campuchia mua bán hàng hóa (cá khô), quen biết và móc nối với đối tượng tên H1 để mua bán ma túy với nhau. Ngày 28/3/2018, bị cáo xuất cảnh sang Campuchia gặp đối tượng H1 mua ma túy theo thỏa thuận đặt hàng về số lượng, chủng loại ma túy, giá cả... sau khi trả tiền và nhận ma túy đúng theo yêu cầu thì bị cáo cất giấu ma túy vào lưng quần và nhập cảnh vào Việt Nam qua Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài, quá trình làm thủ tục nhập cảnh bị lực lượng Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài phát hiện đã phối hợp cùng các đơn vị chức năng kiểm tra thu giữ trong người bị cáo tổng cộng 11 bịch nylon, trong đó 3 bịch nylon màu trắng bên trong chứa nhiều viên nén màu hồng; 3 bịch nylon màu trắng bên trong chứa nhiều viên nén màu xanh; 05 bịch nylon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng, bị cáo khai nhận là ma túy, tiến hành niêm phong vật chứng.

Tại kết luận giám định số 269/KL-KHHS ngày 03/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận:

- Mẫu 1.000 viên nén màu hồng hình chữ nhật có hoa văn in chìm bên trong 3 bịch nylon màu trắng, gửi giám định là chất ma túy, là loại N-Methyl-3,4-Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA); khối lượng 392,9992 gam.

- Mẫu 1.096 viên nén màu xanh dạng hình tròn có hoa văn in chìm bên trong 3 bịch nylon màu trắng, gửi giám định là chất ma túy; là loại N-Methyl-3,4-Methylenedioxyamphetamine (gọi tắt MDMA); khối lượng 345,7148 gam.

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong 2 bịch gửi giám định là chất ma túy; là loại Ketamine; khối lượng 196,3794 gam.

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong 3 bịch gửi giám định là chất ma túy; là loại Methamphetamine; khối lượng 286,5475 gam.

Mục đích của bị cáo K mua số ma túy trên về Việt Nam bán lại kiếm lời. Đủ cơ sở kết luận bị cáo Lâm Thị K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về loại độc chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội tại khu vực cửa khẩu.

Tính chất vụ án đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, bị cáo đã mua bán một lần với 3 loại chất ma túy thuộc danh mục 1, danh mục 2, danh mục 3 của Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ, đã mua 01 lượng ma túy rất lớn đưa vào Việt Nam, cụ thể: Về khối lượng ma túy, căn cứ vào Nghị quyết số 01 ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về tổng khối lượng và thể tích các chất ma túy trong trường hợp phạm tội với nhiều loại chất ma túy khác nhau.

Trong vụ án này, căn cứ vào khoản 5 Điều 5 Nghị Định số 19/2018/NĐ-CP: “Trường hợp các chất ma túy có khối lượng...thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 của một trong các Điều ... 251... của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì tổng khối lượng ... của các chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại ... điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự”.

Điểm b tiểu mục 3.2 mục 3 Nghị quyết 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: “Tình tiết “có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ... được tính như sau:

... Nếu các chất ma túy đó được quy định tại các điểm khác nhau của khoản 3, khoản 4 thì cách tính tổng số lượng các chất ma túy này tương đương với số lượng của một trong các chất ma túy quy định tại khoản 4 ...”

Như vậy, tính tổng khối lượng 3 chất ma túy bị cáo K mua bán, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo thì lấy ma túy ở thể rắn là Ketamine làm chuẩn, 03 loại chất ma túy bị cáo phạm tội thuộc khoản 3, khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, tính tổng khối lượng tương đương là 3.272,1639 gam Ketamine.

Về ý thức phạm tội: Bản thân bị cáo nhận thức rõ việc làm của bị cáo là sai trái vi phạm pháp luật, nhận thức được tác hại của ma túy đối với con người và tác hại đối với xã hội là mèm mống gây ra các tệ nạn xã hội khác, tội phạm khác nhưng vì hám lợi nhuận nhiều nên bị cáo bất chấp pháp luật. Cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Lâm Thị K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có mẹ ruột là Lê Thị T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì, có chồng tên Nguyễn Văn C là thương binh $\frac{3}{4}$, có căn cứ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Luật sư trình bày về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra không có căn cứ áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Cần phạt bị cáo một khoản tiền nhất định theo khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy bị cáo mua bán đã bị thu giữ.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với các điện thoại di động bị cáo dùng vào việc liên lạc mua bán ma túy.

Hoàn trả cho bị cáo các giấy tờ tùy thân của bị cáo

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lâm Thị K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lâm Thị K tù chung thân**. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 28/3/2018.

- Căn cứ khoản 2 Điều 35; khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự:

Phạt bổ sung bị cáo Lâm Thị K 5.000.000 đồng (năm triệu) sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) hộp giấy ghi kết luận số 269/KL-KTHS, được niêm phong, có dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tây Ninh, có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Văn N và trợ lý Giám định Nguyễn Thị X (ký hiệu M1), khối lượng hộp niêm phong còn lại sau khi giám định theo khối lượng của kết luận giám định số 269/KL-KTHS ngày 04/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh.

- 01 (một) hộp giấy ghi kết luận số 269/KL-KTHS, được niêm phong, có dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tây Ninh, có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Văn N và trợ lý Giám định Nguyễn Thị X (ký hiệu M2), khối lượng hộp niêm phong còn lại sau khi giám định theo khối lượng của kết luận giám định số 269/KL-KTHS ngày 04/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh.

- 01 (một) hộp giấy ghi kết luận số 269/KL-KTHS, được niêm phong, có dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tây Ninh, có chữ ký

của Giám định viên Nguyễn Văn N và trợ lý Giám định Nguyễn Thị X (ký hiệu M3), khối lượng hộp niêm phong còn lại sau khi giám định theo khối lượng của kết luận giám định số 269/KL-KTHS ngày 04/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh.

* Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại Nokia màu trắng, số seri 1: 357804068931140; số seri 2: 357804068931157.

- 01 (một) điện thoại PHILIP màu đen, số IMEI 1: 861276032274858; số IMEI 2: 861276032375853 (ốp lưng bị bể).

- 01 (một) điện thoại TK mobile, màu vàng viền đen, số IMEI 1: 353915050049016; số IMEI 2: 353915050049024.

* Hoàn trả cho bị cáo Lâm Thị K:

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Lâm Thị K, số 385200625 do Công an tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 28/7/2014.

- 01 (một) hộ chiếu số C4805850 mang tên Lâm Thị K, do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 27/3/2018.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh./.

Nơi nhận:

- TANDCC. tại TP. HCM;
- VKSNDCC. tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng CSĐT về KTCV. CA tỉnh;
- Trại tạm giam;
- Phòng CSHTTP. CATTN;
- Phòng PV 27 CATTN;
- Phòng LLTP - STP;
- Bộ phận THAHS. TATTN;
- Cục THADS. TTN;
- Vụ GDKT I. TANDTC. tại Hà Nội;
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Giang

